

Số: 2085 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các Quy trình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các Quy trình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo Danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và các quy trình ban hành trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và CV;
- Lưu VT, TKISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục
DANH MỤC QUY TRÌNH ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 2085 /QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	LĨNH VỰC NGOẠI VỤ		
1.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	H57-01/TTHC	
2.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	H57-02/TTHC	
3.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	H57-03/TTHC	
4.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	H57-04/TTHC	
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ		
5.	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	H57-05/TTHC	
6.	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	H57-06/TTHC	
7.	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	H57-07/TTHC	
8.	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	H57-08/TTHC	
9.	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	H57-09/TTHC	
10.	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	H57-10/TTHC	
11.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	H57-11/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (TRỪ CÁC DA TẠI KHU KINH TẾ, CỤM CN, CÁC DỰ ÁN ĐẦU GIÁ, DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH)		
12.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	H57-12/TTHC	
13.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	H57-13/TTHC	
14.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	H57-14/TTHC	
15.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	H57-15/TTHC	
16.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	H57-16/TTHC	
17.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	H57-17/TTHC	
18.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	H57-18/TTHC	
19.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	H57-19/TTHC	
20.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	H57-20/TTHC	
21.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	H57-21/TTHC	
22.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	H57-22/TTHC	
23.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	H57-23/TTHC	
24.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	H57-24/TTHC	
25.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	H57-25/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
26.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-26/TTTC	
27.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-27/TTTC	
28.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-28/TTTC	
29.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-29/TTTC	
30.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-30/TTTC	
31.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-31/TTTC	
32.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 ND số 31/2021/NĐ-CP)	H57-32/TTTC	
33.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	H57-33/TTTC	
34.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	H57-34/TTTC	
	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU		
35.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	H57-35/TTTC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
36.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	H57-36/TTHC	
37.	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	H57-37/TTHC	
38.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	H57-38/TTHC	
39.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	H57-39/TTHC	
LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM			
40.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	H57-40/TTHC	
41.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	H57-41/TTHC	
42.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.	H57-42/TTHC	
	Chương trình đầu tư công		
	Dự án nhóm A		
	Dự án nhóm B, C		
43.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	H57-43/TTHC	
44.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại	H57-44/TTHC	
45.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm (cấp tỉnh).	H57-45/TTHC	
46.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	H57-46/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
47.	Xác nhận chuyên gia	H57-47/TTHC	
	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ		
48.	Hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	H57-48/TTHC	
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN		
49.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	H57-49/TTHC	
50.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	H57-50/TTHC	
51.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	H57-51/TTHC	
52.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	H57-52/TTHC	
53.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	H57-53/TTHC	
54.	Quyết định điều chuyển tài sản công	H57-54/TTHC	
55.	Quyết định bán tài sản công	H57-55/TTHC	
56.	Quyết định thanh lý tài sản công	H57-56/TTHC	
57.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	H57-57/TTHC	
58.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	H57-58/TTHC	
59.	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	H57-59/TTHC	
60.	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	H57-60/TTHC	
61.	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	H57-61/TTHC	
	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (Nhà ở)		
62.	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	H57-62/TTHC	
63.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	H57-63/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
64.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	H57-64/TTHC	
65.	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	H57-65/TTHC	
66.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh	H57-66/TTHC	
67.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	H57-67/TTHC	
68.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	H57-68/TTHC	
69.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	H57-69/TTHC	
	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI		
70.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	H57-70/TTHC	
71.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.	H57-71/TTHC	
72.	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	H57-72/TTHC	
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG		
73.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	H57-73/TTHC	
74.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch vùngThẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	H57-74/TTHC	
	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG		
	Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện		
75.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	H57-75/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	02 ngày đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.		
	02 ngày đối với hoạt động trồng cây lâu năm		
	05 ngày đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.		
	05 ngày đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm.		
	07 ngày: Đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện		
76.	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	H57-76/TTHC	
	02 ngày đối với hoạt động: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.		
	- 03 ngày đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.		
	- 05 ngày đối với hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; Xây dựng công trình ngầm.		
77.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	H57-77/TTHC	
78.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	H57-78/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
79.	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-79/TTTC	
80.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-80/TTTC	
81.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-81/TTTC	
82.	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	H57-82/TTTC	
	Lĩnh vực Thương mại biên giới		
83.	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	H57-83/TTTC	
	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng		
84.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	H57-84/TTTC	
	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương		
85.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	H57-85/TTTC	
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG		
	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn		
86.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	H57-86/TTTC	
87.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	H57-87/TTTC	
88.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	H57-88/TTTC	
	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
89.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	H57-89/TTTC	
90.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	H57-90/TTTC	
91.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	H57-91/TTTC	
92.	Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	H57-92/TTTC	
93.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	H57-93/TTTC	
94.	Thủ tục gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m ³ /ngày đêm	H57-94/TTTC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
95.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	H57-95/TTTC	
96.	Thủ tục gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm	H57-96/TTTC	
97.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy vừa và nhỏ	H57-97/TTTC	
98.	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước	H57-98/TTTC	
99.	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	H57-99/TTTC	
100.	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	H57-100/TTTC	
101.	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	H57-101/TTTC	
	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản		
102.	Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	H57-102/TTTC	
103.	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	H57-103/TTTC	
104.	Thủ tục Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	H57-104/TTTC	
105.	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	H57-105/TTTC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
106.	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	H57-106/TTHC	
107.	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	H57-107/TTHC	
108.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	H57-108/TTHC	
109.	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	H57-109/TTHC	
110.	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	H57-110/TTHC	
111.	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản	H57-111/TTHC	
112.	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	H57-112/TTHC	
113.	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	H57-113/TTHC	
114.	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	H57-114/TTHC	
115.	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	H57-115/TTHC	
116.	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	H57-116/TTHC	
117.	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	H57-117/TTHC	
118.	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	H57-118/TTHC	
	Lĩnh vực Biển và hải đảo		
119.	Công nhận Khu vực biển	H57-119/TTHC	
120.	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	H57-120/TTHC	
121.	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	H57-121/TTHC	
122.	Giao khu vực biển	H57-122/TTHC	
123.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	H57-123/TTHC	
124.	Trả lại khu vực biển	H57-124/TTHC	
125.	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	H57-125/TTHC	
126.	Thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển	H57-126/TTHC	
127.	Thủ tục gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	H57-127/TTHC	
128.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	H57-128/TTHC	
129.	Thủ tục trả lại giấy phép nhận chìm	H57-129/TTHC	
130.	Thủ tục cấp lại giấy phép nhận chìm	H57-130/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	Lĩnh vực Đất đai		
131.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	H57-131/TTHC	
132.	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	H57-132/TTHC	
133.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	H57-133/TTHC	
134.	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	H57-134/TTHC	
135.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	H57-135/TTHC	
136.	Thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/7/2004	H57-136/TTHC	
137.	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	H57-137/TTHC	
138.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-138/TTHC	
139.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-139/TTHC	
140.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải	H57-140/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		
141.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	H57-141/TTHC	
	Lĩnh vực Môi trường		
142.	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	H57-142/TTHC	
143.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	H57-143/TTHC	
144.	Cấp giấy phép môi trường (cấp tỉnh)	H57-144/TTHC	
145.	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp tỉnh)	H57-145/TTHC	
146.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp tỉnh)	H57-146/TTHC	
147.	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh)	H57-147/TTHC	
148.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	H57-148/TTHC	
149.	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)	H57-149/TTHC	
	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
	Lĩnh vực Tài chính kế hoạch và Phát triển nông thôn		
150.	Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.	H57-150/TTHC	
151.	Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	H57-151/TTHC	
152.	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	H57-152/TTHC	
153.	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	H57-153/TTHC	
154.	Thủ tục công nhận nghề truyền thống	H57-154/TTHC	
155.	Thủ tục công nhận làng nghề	H57-155/TTHC	
156.	Thủ tục công nhận làng nghề truyền thống	H57-156/TTHC	
157.	Hỗ trợ dự án liên kết	H57-157/TTHC	
158.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	H57-158/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	Lĩnh vực Thủy sản		
159.	Công bố mở Cảng cá loại II	H57-159/TTHC	
160.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	H57-160/TTHC	
161.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	H57-161/TTHC	
162.	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	H57-162/TTHC	
	Lĩnh vực Thủy lợi		
163.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-163/TTHC	
164.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-164/TTHC	
165.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	H57-165/TTHC	
166.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.	H57-166/TTHC	
167.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-167/TTHC	
168.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-168/TTHC	
169.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-169/TTHC	
170.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	H57-170/TTHC	
171.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-171/TTHC	
172.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-172/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
173.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-173/TTHC	
174.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-174/TTHC	
175.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-175/TTHC	
176.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	H57-176/TTHC	
177.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	H57-177/TTHC	
178.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	H57-178/TTHC	
179.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	H57-179/TTHC	
180.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	H57-180/TTHC	
181.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	H57-181/TTHC	
	Lĩnh vực Lâm nghiệp		
182.	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	H57-182/TTHC	
183.	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	H57-183/TTHC	
184.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập	H57-184/TTHC	
185.	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	H57-185/TTHC	
186.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh	H57-186/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
187.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	H57-187/TTHC	
188.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	H57-188/TTHC	
189.	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	H57-189/TTHC	
190.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	H57-190/TTHC	
191.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	H57-191/TTHC	
	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		
192.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	H57-192/TTHC	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		
	Lĩnh vực đường thủy nội địa		
193.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	H57-193/TTHC	
194.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	H57-194/TTHC	
195.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	H57-195/TTHC	
196.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	H57-196/TTHC	
197.	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	H57-197/TTHC	
	LĨNH VỰC XÂY DỰNG		
	Lĩnh vực Giám định xây dựng		
198.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	H57-198/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
199.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	H57-199/TTHC	
200.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng	H57-200/TTHC	
201.	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	H57-201/TTHC	
202.	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND dân tỉnh cho phép hoạt động	H57-202/TTHC	
	LĨNH VỰC DU LỊCH		
203.	Thủ tục Công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	H57-203/TTHC	
204.	Thủ tục Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	H57-204/TTHC	
	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
205.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	H57-205/TTHC	
206.	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	H57-206/TTHC	
207.	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	H57-207/TTHC	
208.	Mua sáng chế, sáng kiến	H57-208/TTHC	
209.	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	H57-209/TTHC	
210.	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	H57-210/TTHC	
211.	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	H57-211/TTHC	
212.	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	H57-212/TTHC	
213.	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	H57-213/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
	Lĩnh vực Giáo dục Trung học		
214.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	H57-214/TTHC	
215.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	H57-215/TTHC	
216.	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	H57-216/TTHC	
	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
217.	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	H57-217/TTHC	
218.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	H57-218/TTHC	
219.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	H57-219/TTHC	
220.	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	H57-220/TTHC	
221.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	H57-221/TTHC	
	Lĩnh vực Giáo dục dân tộc		
222.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	H57-222/TTHC	
223.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	H57-223/TTHC	
224.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	H57-224/TTHC	
	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác		
225.	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	H57-225/TTHC	
226.	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	H57-226/TTHC	
227.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	H57-227/TTHC	
228.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	H57-228/TTHC	
229.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	H57-229/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
230.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	H57-230/TTHC	
231.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	H57-231/TTHC	
232.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	H57-232/TTHC	
233.	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	H57-233/TTHC	
234.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	H57-234/TTHC	
235.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	H57-235/TTHC	
236.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	H57-236/TTHC	
237.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	H57-237/TTHC	
238.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	H57-238/TTHC	
239.	Thủ tục thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	H57-239/TTHC	
240.	Thủ tục tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	H57-240/TTHC	
241.	Thủ tục giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	H57-241/TTHC	
	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên		
242.	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	H57-242/TTHC	
243.	Thủ tục cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	H57-243/TTHC	
244.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	H57-244/TTHC	
245.	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	H57-245/TTHC	
	Lĩnh vực Thi, tuyển sinh		
246.	Đăng kí xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	H57-246/TTHC	
	LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO		
	Lĩnh vực Di sản Văn hóa		
247.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	H57-247/TTHC	
248.	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	H57-248/TTHC	
	Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm		
249.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	H57-249/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
250.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	H57-250/TTHC	
251.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	H57-251/TTHC	
252.	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	H57-252/TTHC	
	Lĩnh vực Biểu diễn nghệ thuật		
253.	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	H57-253/TTHC	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		
254.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	H57-254/TTHC	
255.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	H57-255/TTHC	
256.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	H57-256/TTHC	
257.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	H57-257/TTHC	
258.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	H57-258/TTHC	
	Lĩnh vực Gia đình		
259.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-259/TTHC	
260.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-260/TTHC	
261.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-261/TTHC	
262.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-262/TTHC	
263.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-263/TTHC	
264.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	H57-264/TTHC	
	Lĩnh vực Thể dục Thể thao		
265.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	H57-265/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
266.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh tổ chức	H57-266/TTHC	
267.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh	H57-267/TTHC	
	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		
	Lĩnh vực Báo chí		
268.	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	H57-268/TTHC	
269.	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	H57-269/TTHC	
	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		
	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
270.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	H57-270/TTHC	
271.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-271/TTHC	
272.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	H57-272/TTHC	
273.	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-273/TTHC	
274.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	H57-274/TTHC	
275.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	H57-275/TTHC	
276.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	H57-276/TTHC	
277.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	H57-277/TTHC	
278.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	H57-278/TTHC	
279.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	H57-279/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
280.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-280/TTHC	
281.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-281/TTHC	
282.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	H57-282/TTHC	
283.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	H57-283/TTHC	
284.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-284/TTHC	
285.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	H57-285/TTHC	
286.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	H57-286/TTHC	
287.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	H57-287/TTHC	
288.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	H57-288/TTHC	
	Lĩnh vực Việc làm		
289.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	H57-289/TTHC	
290.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	H57-290/TTHC	
291.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	H57-291/TTHC	
292.	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	H57-292/TTHC	
	Lĩnh vực Lao động - Tiền lương		
293.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	H57-293/TTHC	
294.	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	H57-294/TTHC	
295.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	H57-295/TTHC	
296.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	H57-296/TTHC	
297.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	H57-297/TTHC	
298.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	H57-298/TTHC	
299.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	H57-299/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	Lĩnh vực Người có công		
300.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm- pu- chia	H57-300/TTHC	
301.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng"	H57-301/TTHC	
302.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập	H57-302/TTHC	
	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội		
303.	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	H57-303/TTHC	
304.	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	H57-304/TTHC	
305.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	H57-305/TTHC	
306.	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	H57-306/TTHC	
307.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	H57-307/TTHC	
	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ		
308.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	H57-308/TTHC	
	LĨNH VỰC BAN DÂN TỘC		
309.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	H57-309/TTHC	
310.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	H57-310/TTHC	
	LĨNH VỰC TƯ PHÁP		
	Lĩnh vực Giám định tư pháp		
311.	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	H57-311/TTHC	
312.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	H57-312/TTHC	
313.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp	H57-313/TTHC	
314.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	H57-314/TTHC	
	Lĩnh vực Công chứng		
315.	Thành lập Văn phòng công chứng	H57-315/TTHC	
316.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	H57-316/TTHC	
317.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	H57-317/TTHC	
318.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	H57-318/TTHC	
319.	Thành lập Hội công chứng viên	H57-319/TTHC	
	Lĩnh vực Thừa phát lại		
320.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	H57-320/TTHC	
321.	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	H57-321/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
322.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	H57-322/TTHC	
323.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	H57-323/TTHC	
	Lĩnh vực Quốc tịch		
324.	Nhập quốc tịch Việt Nam	H57-324/TTHC	
325.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	H57-325/TTHC	
326.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	H57-326/TTHC	
	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
327.	Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	H57-327/TTHC	
328.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	H57-328/TTHC	
329.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	H57-329/TTHC	
	LĨNH VỰC NỘI VỤ		
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế		
330.	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-330/TTHC	
331.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-331/TTHC	
332.	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-332/TTHC	
333.	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-333/TTHC	
334.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-334/TTHC	
335.	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-335/TTHC	
336.	Thủ tục về thẩm định đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-336/TTHC	
337.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-337/TTHC	
338.	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc chính trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-338/TTHC	
339.	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc, thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-339/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
340.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	H57-340/TTHC	
	Lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ		
341.	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	H57-341/TTHC	
342.	Thủ tục Thành lập hội	H57-342/TTHC	
343.	Thủ tục Phê duyệt điều lệ hội	H57-343/TTHC	
344.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	H57-344/TTHC	
345.	Thủ tục Đổi tên hội	H57-345/TTHC	
346.	Thủ tục Hội tự giải thể	H57-346/TTHC	
347.	Thủ tục Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	H57-347/TTHC	
348.	Thủ tục Cho phép hội đặt văn phòng đại diện	H57-348/TTHC	
349.	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	H57-349/TTHC	
350.	Thủ tục Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	H57-350/TTHC	
351.	Thủ tục Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	H57-351/TTHC	
352.	Thủ tục Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	H57-352/TTHC	
353.	Thủ tục Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (cấp tỉnh)	H57-353/TTHC	
354.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	H57-354/TTHC	
355.	Thủ tục Đổi tên quỹ	H57-355/TTHC	
356.	Thủ tục Quỹ tự giải thể	H57-356/TTHC	
	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo		
357.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định hiến chương của tổ chức	H57-357/TTHC	
358.	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	H57-358/TTHC	
359.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	H57-359/TTHC	
360.	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	H57-360/TTHC	
361.	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	H57-361/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
362.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	H57-362/TTHC	
363.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	H57-363/TTHC	
364.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	H57-364/TTHC	
365.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	H57-365/TTHC	
366.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)	H57-366/TTHC	
367.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	H57-367/TTHC	
368.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	H57-368/TTHC	
369.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	H57-369/TTHC	
370.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	H57-370/TTHC	
	Lĩnh vực Chính quyền địa phương		
371.	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	H57-371/TTHC	
372.	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	H57-372/TTHC	
	Lĩnh vực Công tác thanh niên		
373.	Thủ tục Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	H57-373/TTHC	
374.	Thủ tục Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	H57-374/TTHC	
375.	Thủ tục Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	H57-375/TTHC	
	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng		
376.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	H57-376/TTHC	
377.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	H57-377/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
378.	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	H57-378/TTHC	
379.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	H57-379/TTHC	
380.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	H57-380/TTHC	
381.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	H57-381/TTHC	
382.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất	H57-382/TTHC	
383.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình	H57-383/TTHC	
384.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại	H57-384/TTHC	
	Lĩnh vực Người có công		
385.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	H57-385/TTHC	
386.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	H57-386/TTHC	
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
387.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	H57-387/TTHC	
388.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	H57-388/TTHC	
	Lĩnh vực Công chức viên chức		
389.	Thủ tục xét tuyển công chức	H57-389/TTHC	
390.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	H57-390/TTHC	
	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO		
391.	Quy trình Tổ chức tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	H57-391/TTHC	
392.	Quy trình Tổ chức tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh	H57-392/TTHC	
393.	Quy trình Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh	H57-393/TTHC	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
394.	Quy trình Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh do UBND tỉnh tiếp nhận	H57-394/TTHC	
395.	Quy trình Công khai quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh	H57-395/TTHC	
396.	Quy trình Tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh	H57-396/TTHC	
397.	Quy trình Xử lý đơn khiếu nại do UBND tỉnh tiếp nhận	H57-397/TTHC	
398.	Quy trình Xử lý đơn tố cáo do UBND tỉnh tiếp nhận	H57-398/TTHC	
399.	Quy trình ban hành Quyết định giải quyết vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.	H57-399/TTHC	
400.	Quy trình ban hành Kết luận nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	H57-400/TTHC	